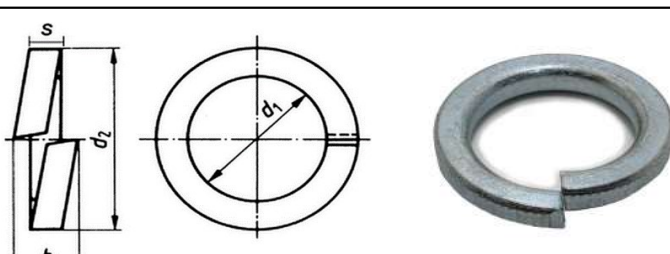
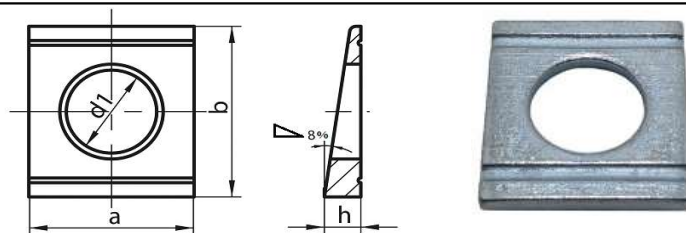


LÔNG ĐÈN VÊNH																					
			<table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Mã vật liệu (V)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>AD1</td> <td>Thép oxit đen</td> </tr> <tr> <td>AD2</td> <td>Thép mạ kẽm</td> </tr> <tr> <td>AH0</td> <td>Inox 304</td> </tr> <tr> <td>AK0</td> <td>Inox 316</td> </tr> <tr> <td>AD4</td> <td>Thép 55Mn nhúng nóng kẽm</td> </tr> </tbody> </table>							Mã vật liệu (V)		AD1	Thép oxit đen	AD2	Thép mạ kẽm	AH0	Inox 304	AK0	Inox 316	AD4	Thép 55Mn nhúng nóng kẽm
Mã vật liệu (V)																					
AD1	Thép oxit đen																				
AD2	Thép mạ kẽm																				
AH0	Inox 304																				
AK0	Inox 316																				
AD4	Thép 55Mn nhúng nóng kẽm																				
Mã hàng	Kích thước ren	Vật liệu (V)	d1 (mm)		d2 (mm)		s (mm)														
			Min	Max	Min	Max	Min	Max													
W02M030(V)	M3	AD1 - AD2 - AH0	3.1	3.4	5.5	6.2	0.7	0.9													
W02M040(V)	M4	AD1 - AD2 - AH0 - AK0	4.1	4.4	6.9	7.6	0.8	1													
W02M050(V)	M5	AD1 - AD2 - AH0 - AK0 - AD4	5.1	5.4	8.5	9.2	1.1	1.3													
W02M060(V)	M6	AD1 - AD2 - AH0 - AK0 - AD4	6.1	6.5	10.8	11.8	1.5	1.7													
W02M080(V)	M8	AD1 - AD2 - AH0 - AK0 - AD4	8.1	8.5	13.8	14.8	1.9	2.1													
W02M100(V)	M10	AD1 - AD2 - AH0 - AK0 - AD4	10.2	10.7	16.8	18.1	2.05	2.35													
W02M120(V)	M12	AD1 - AD2 - AH0 - AK0 - AD4	12.2	12.7	19.8	21.1	2.35	2.65													
W02M140(V)	M14	AD1 - AD2 - AH0 - AK0 - AD4	14.2	14.7	22.8	24.1	2.85	3.15													
W02M160(V)	M16	AD1 - AD2 - AH0 - AK0 - AD4	16.2	17	25.8	27.4	3.3	3.7													
W02M180(V)	M18	AD1 - AD2 - AH0 - AK0 - AD4	18.2	19	27.8	29.4	3.3	3.7													
W02M200(V)	M20	AD1 - AD2 - AH0 - AK0 - AD4	20.2	21.2	31.8	33.6	3.8	4.2													
W02M220(V)	M22	AD1 - AD2 - AH0 - AK0 - AD4	22.5	23.5	34.1	35.9	3.8	4.2													
W02M240(V)	M24	AD1 - AD2 - AH0 - AD4	24.5	25.5	38	40	4.8	5.2													
W02M270(V)	M27	AD1 - AD2 - AD4	27.5	28.5	41	43	4.8	5.2													
W02M300(V)	M30	AD1 - AD2 - AD4	30.5	31.7	46	48	5.8	6.2													

LÔNG ĐÈN VUÔNG DIN 434													
			<table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Mã vật liệu (V)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>AE2</td> <td>Thép carbon mạ kẽm</td> </tr> </tbody> </table>							Mã vật liệu (V)		AE2	Thép carbon mạ kẽm
Mã vật liệu (V)													
AE2	Thép carbon mạ kẽm												
Mã hàng	Kích thước ren	h (mm)		a (mm)		b (mm)		d1 (mm)					
		Min	Max	Min	Max	Min	Max	Min	Max				
W49M080AE2	M8	3.2	4.4	20	24	21.35	22.65	9	9.36				
W49M100AE2	M10	3.2	4.4	20	24	21.35	22.65	11	11.43				
W49M120AE2	M12	3.9	5.9	24	28	29.35	30.65	14	14.43				
W49M160AE2	M16	4.9	6.9	29.5	34.5	35.2	36.8	18	18.43				
W49M200AE2	M20	6	8	37.5	42.5	43.2	44.8	22	22.52				
W49M220AE2	M22	7	9	41.5	46.5	49.2	50.8	24	24.52				
W49M240AE2	M24	7.3	9.7	53	59	55.05	56.95	26	26.52				
W49M300AE2	M30	8.5	-	-	61	-	61	-	33				